

Bản án số: 81/2021/HS-ST
Ngày 14-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 517/2021/HSST-QĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

Trịnh Trần L, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1979 tại Hải Phòng; Nơi ĐKHHTT: số 37 P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Số 31/47 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Quản lý khách sạn Star; Trình độ văn hóa 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trịnh Trần P (đã chết) và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Thị Vân A sinh năm 1978 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2020 đến ngày 20/5/2020 chuyển tạm giam, có mặt.

Vũ Như T sinh ngày 10 tháng 10 năm 1982 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 4/93 Q, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Vũ Đức C (đã chết) và bà Phạm Thị P sinh năm 1949; có vợ là Vũ Thị Phương T sinh năm 1992 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 14/5/2020 đến ngày 20/5/2020 chuyển tạm giam, có mặt.

Phạm Trung H, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1986; Nơi cư trú: Số 22 lô phụ A43 C, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không ; con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1961; có vợ là Bùi Thị H sinh năm 1993 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 14/5/2020 đến ngày 20/5/2020 chuyển tạm giam, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Trần L: Ông Hoàng Tám Phi - Luật sư Công ty Luật TNHH Tâm Anh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu hành chính 15, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Bùi Thái S, có mặt.

- Chị Hà Thị T, chị Trần Ngọc Vân T, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Ngọc A đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 00 phút ngày 13/5/2020, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) - Công an thành phố Hải Phòng phối hợp với Công an phường Vĩnh Niệm tiến hành kiểm tra khách sạn Star tại số 16 Đồng Thiện, phường Vĩnh Niệm, quận L, Hải Phòng phát hiện tại phòng 703 có 08 đối tượng có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy, gồm: Trịnh Trần L, Vũ Như T, Phạm Trung H, Bùi Thái S (sinh năm 1993, trú tại 38/29 Hồ Sen, Hàng Kênh, L, Hải Phòng), Hà Thị T (sinh năm 1999, trú tại: xóm Bon, Tân Pheo, Đà Bắc, Hòa Bình), Nguyễn Thị Ngọc A (sinh năm 1997, trú tại: khu hành chính 15, Liên Bảo, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc), Trần Ngọc Vân T (sinh năm 1993, trú tại số 31 Vạn Kiếp, phường Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng), Nguyễn Thị H (sinh năm 1988, trú tại số 138 Cao Thắng, phường Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng). Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra và thu giữ tại đầu đệm dưới đất 01 đĩa màu trắng in hoa có bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng qua giám định là ma túy loại Ketamine nhưng không đủ điều kiện xác định khối lượng, 01 ống hút màu đen, 01 thẻ cứng và 01 điện thoại di động iphone (của A); thu giữ tại nền nhà dưới gầm ghế ½ viên nén màu xám không rõ hình qua giám định là ma túy loại MDMA có khối lượng 0,14 gam; thu giữ trong ngăn thứ nhất của tủ bếp có 01 túi nilon màu trắng qua giám định là ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,74 gam, 01 gói giấy màu trắng bên trong có 01 viên nén hình “đầu lâu” màu xám qua giám định là ma túy loại MDMA có khối lượng 0,38 gam và 02 loa, 02 đèn cHI màu trong phòng 703. Xét nghiệm nước tiểu cả 08 đối tượng trên đều dương tính với chất ma túy, trong đó: L, T, H, Sơn, A, Thương dương tính với chất ma túy MDMA và Ketamin; Trang và Hà dương tính với chất ma túy MDMA.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Khoảng 19h00 ngày 12/5/2020, L cùng H, S, A, T ăn tối tại đường Lạch Tray, Hải Phòng. Quá trình

ăn uống, cả bọn rủ nhau tìm chỗ hát karaoke nhưng không tìm được. Do biết quán ăn T Miền Tây ở đường Hoàng Minh Thảo có cho hát karaoke nên L gọi điện cho Vũ Như T (là chủ quán) đặt bàn để cả bọn đến đó vừa uống bia vừa hát. Tại quán T Miền Tây, khi đang ngồi ăn uống và hát thì T có ra giao lưu với mọi người và nói: Anh em tập trung đông đủ thế này thì tổ chức đi chơi đi (có nghĩa là tụ tập để sử dụng ma túy). Cả bọn bàn bạc tìm thuê khách sạn, L bảo mọi người về khách sạn Star của L chơi nên mọi người đồng ý. Ngồi uống bia một lúc thì có Cường là người quen của L đến gặp L nói chuyện. Cường ngồi giữa L và H. Quá trình ngồi nói chuyện, Cường khoe em của Cường mới mua được “ke” (Ketamine) ngon và mở điện thoại cho L xem hình ảnh. L nhờ Cường lấy 02 gam Ketamine. Cường đồng ý và gọi điện cho người cầm “ke” đến. Một lúc sau, có một thanh niên đến và đưa cho Cường 01 túi nilon đựng Ketamine. Cường đưa lại cho L, L cầm và hỏi mọi người có tiền không nhưng không ai có tiền nên H nói để H chuyển khoản. Người thanh niên trả lời là 3.200.000 đồng/02 gam Ketamine. Chuyển khoản xong H hỏi “chưa có Kẹo à” thì người này nói “anh không bảo trước, tí em cho người mang qua”. H bảo lấy 5 viên thuốc lắc, L và mọi người đồng ý. Sau đó, mọi người rời khỏi quán T Miền Tây đi về khách sạn Star. Khi L và T về khách sạn ngồi ở sảnh tầng 2 thì có người gọi điện thoại cho L hỏi địa chỉ để mang thuốc lắc đến. Khi người mang ma túy đến đưa cho L, L trả 1.500.000 đồng và đưa cho T kiểm tra. H, Sơn đứng cạnh và nhìn thấy có khoảng 5 - 6 viên màu xám hình đầu lâu. Sau đó, cả bọn lên phòng 703 của khách sạn. T bỏ đèn nháy do T mang từ nhà đến, A dùng điện thoại kết nối loa của A có sẵn ở phòng để phục vụ “bay lắc”. Tại đây, H, A lấy đĩa và ống hút để ra đệm. H hỏi L “ke đâu anh” L lấy túi Ketamine để ra đệm chỗ H ngồi. T cũng bỏ túi thuốc lắc ra đệm cạnh chỗ H ngồi. Sau đó, cả bọn sử dụng thuốc lắc, riêng T không sử dụng. T nói với L “tí em có bạn qua chơi” và được L đồng ý. Đến 00h ngày 13/5/2020, T đón Trần Ngọc Vân T và Nguyễn Thị H lên phòng 703, T hỏi mọi người trong phòng “Ai cầm kẹo đưa cho hai bạn chơi”. A đưa cho Hà và Trang mỗi người nửa viên thuốc lắc. T lấy chai nước lọc đưa cho Trang và Hà để hai người sử dụng. Sau đó, H kẻ các đường Ketamine cho L, T, A, Thương và H sử dụng. Mọi người sử dụng ketamine xong. H bảo T mời hai bạn của T sử dụng Ketamine nhưng Trang bảo phải pha vào nước. T lấy cốc coca còn H gạt Ketamine vào cốc coca rồi đưa cho Trang nhưng Trang không uống ngay nên T để trên mặt bàn. Số ma túy còn lại chưa sử dụng hết để ở trong kệ bếp trong phòng. Cả bọn chơi một lúc thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt giữ.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-P1 ngày 25 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Trịnh Trần L, Vũ Như T và Phạm Trung H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa;

Bị cáo Trịnh Trần L khai nhận: Tôi ngày 12/5/2020, bị cáo cùng với H, Sơn, A và Thương đi ăn tại khu vực đường Lạch Tray sau đó tất cả thống nhất đi hát. Bị cáo gọi điện cho T và tất cả đến quán T Miền Tây của T để uống bia và

nghe nhạc. Tại đây T có ra giao lưu với mọi người và nói “anh em đông đủ thế này thì tổ chức đi chơi tí”. Bị cáo và mọi người đều hiểu là T bảo đi chơi để cùng sử dụng ma túy. Bị cáo đã nhờ người quen tên Cường mua 02 gam Ketamine và H là người trả tiền bằng cách chuyển khoản hết số tiền 3.200.000 đồng. Sau đó H bảo mọi người đến khách sạn Victoria để sử dụng nhưng bị cáo bảo về khách sạn Star là khách sạn của bị cáo đang quản lý và có bạn của H (A, Thương) đang thuê ở đó. Về đến khách sạn Star thì có người mang 05 viên thuốc lắc (MDMA) đến và bị cáo trả số tiền 1.500.000 đồng. Sau đó bị cáo bảo A và Thương lên phòng 703 để chuẩn bị trước. Khi lên phòng, T có nói với bị cáo là T có 02 người bạn đến cùng sử dụng ma túy và bị cáo đồng ý. Một lúc sau có 02 người nữa là Trang và Hà là bạn của T đến cùng sử dụng ma túy. Quá trình sử dụng ma túy, A là người chuẩn bị loa, điện thoại, điều chỉnh nhạc, lấy đĩa đựng ke; H, A lấy thẻ nhựa để kẻ Ketamine và đưa cho mọi người sử dụng. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật, bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Vũ Như T khai nhận: Bị cáo có nói với mọi người là “Anh em tập trung đông đủ thì tổ chức đi chơi” nhưng ý bị cáo không phải là rủ rê mọi người đi sử dụng ma túy. Khi L bảo bị cáo đến khách sạn Star, bị cáo biết là đến để sử dụng ma túy và mang theo balo có chứa loa và đèn nháy để mọi người nghe nhạc khi sử dụng ma túy. Nhưng do loa và đèn nháy của bị cáo nhỏ hơn nên không sử dụng loa và đèn của bị cáo. Khi đến khách sạn Star, có người mang thuốc lắc đến thì L nhận và trả tiền rồi đưa cho bị cáo và H kiểm tra. Khi mọi người lên phòng 703 thì bị cáo quên gói thuốc lắc (MDMA) để trên bàn nên bị cáo có xuống tầng 1 lấy. Khi mọi người đang nghe nhạc và sử dụng ma túy, bị cáo có nói với L là có bạn của bị cáo là Trang và Hà đến cùng sử dụng ma túy thì L đồng ý. Khi Trang và Hà đến thì bị cáo bảo “ai cầm thuốc thì đưa cho các bạn sử dụng” thì thấy A đưa ma túy cho Trang và Hà sử dụng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Trung H khai nhận: Bị cáo là người tổ chức đi ăn tối ngày 12/5/2020. Khi ở quán T Miền Tây, bị cáo có nghe thấy T nói là “Anh em đông đủ thế này thì tổ chức đi chơi”. Bị cáo hiểu là T đang bảo mọi người tổ chức để cùng đi sử dụng ma túy. Khi có người mang ma túy đến, L có hỏi mọi người có tiền không thấy mọi người bảo không có tiền thì bị cáo đồng ý chuyển khoản số tiền 3.200.000 đồng để trả tiền mua ma túy Ketamine. Khi nhận Ketamine, bị cáo có nói là “không có kẹo à”, ý là không có thuốc lắc MDMA à? Sau đó L đồng ý và có bảo thanh niên bán ke mang thuốc lắc đến. Khi mọi người về đến khách sạn Star thì có người mang thuốc lắc (MDMA) đến, L là người trả tiền, bị cáo và T kiểm tra sau đó tất cả lên phòng 703 để sử dụng. Bị cáo cùng với A chuẩn bị đĩa, thẻ cứng để kẻ Ketamine thành các đường thẳng để mọi người cùng sử dụng. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng Bùi Thái S trình bày: Vào tối ngày 12/5/2020, H rủ tôi đi ăn tối và bảo tôi gọi rủ anh L cùng đi. Sự việc sau đó diễn ra đúng như lời khai của các bị cáo L, T, H tại phiên tòa. Tôi có nghe T nói “Anh em tập trung đông

đủ thì tổ chức đi chơi” và tôi hiểu là tổ chức để mọi người cùng đi sử dụng ma túy. Tại phòng 703 tôi có sử dụng Ketamine. Tôi không có ý kiến gì về việc Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt hành chính tôi về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng tại phiên tòa đủ cơ sở khẳng định: Vào đêm ngày 12/5/2020 đến rạng sáng ngày 13/5/2020, các bị cáo **Trịnh Trần L**, **Vũ Như T** và **Phạm Trung H** đã có hành vi tổ chức cho những người khác là **Bùi Thái S**, **Hà Thị T**, **Nguyễn Thị Ngọc A**, **Trần Ngọc Vân T** và **Nguyễn Thị H** cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó bị cáo **Trịnh Trần L** là người có vai trò cao nhất do có các hành vi tích cực nhất như sử dụng địa điểm thuộc quản lý của mình để các đối tượng sử dụng ma túy, liên lạc mua ma túy, bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng để trả tiền mua ma túy; các bị cáo **H** và **T** là những người trực tiếp thực hiện và được trả giá là người có vai trò ngang nhau. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trịnh Trần L** từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Như T** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Trung H** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về vật chứng của vụ án, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trịnh Trần L:

Đồng ý với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về mặt tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo **Trịnh Trần L**. Tuy nhiên, không đồng ý với việc đại diện Viện kiểm sát phân hóa vai trò bị cáo **Trịnh Trần L** là cao nhất trong vụ án. Bởi lẽ, bị cáo **Trịnh Trần L** không phải là người khởi xướng, các hành vi của **L** đều tương đồng với các bị cáo **T** và **H** trong việc tổ chức cho những người khác sử dụng ma túy. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả giá vai trò của bị cáo là ngang bằng với các bị cáo khác và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với các vật chứng là xe máy, điện thoại của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Ngoài ra, trong vụ án còn có đối tượng **Nguyễn Thị Ngọc A** có vai trò rất rõ ràng, giúp sức tích cực cho các bị cáo thực hiện hành vi “Tổ chức sử dụng

trái phép chất ma túy”. Vì vậy, đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Ngọc A để trả bỏ lọt tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh:

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tới ngày 12/5/2020, các bị cáo Trịnh Trần L, Vũ Như T và Phạm Trung H đã cùng nhau thống nhất ý chí về việc cung cấp ma túy, bố trí địa điểm, con người, phương tiện dụng cụ để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy nhằm đưa trái phép chất ma túy (Ketamine, MDMA) vào cơ thể của những người khác (Bùi Thái S, Hà Thị T, Nguyễn Thị Ngọc A, Trần Ngọc Vân T, Nguyễn Thị H) và của chính bản thân các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trịnh Trần L, Vũ Như T và Phạm Trung H đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm chính sức khỏe của người sử dụng ma túy. Vì vậy, cần xét xử nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết định khung:* Các bị cáo Trịnh Trần L, Vũ Như T và Phạm Trung H đã tổ chức cho chính bản thân các bị cáo và cho 05 người khác gồm Bùi Thái S, Hà Thị T, Nguyễn Thị Ngọc A, Trần Ngọc Vân T và Nguyễn Thị H để sử dụng ma túy. Vì vậy, Cáo trạng số 22/CT-VKS-P1 ngày 25/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo vi phạm tình tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[5] *Về nhân thân các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ:* Nhân thân các bị cáo Trịnh Trần L, Vũ Như T và Phạm Trung H đều chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vũ Như T có bố là ông Vũ Đức Cảo và bác là ông Vũ Văn Doãn là người có công với Cách mạng; bị cáo Phạm Trung H có bố là ông

Phạm Văn Hiệu là người có thành tích xuất sắc trong lực lượng công an nhân dân nên các bị cáo T, H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò của các bị cáo:

[6] Các bị cáo đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Các bị cáo đã cùng nhau thống nhất ý chí tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm đưa ma túy vào cơ thể người khác và cơ thể chính bản thân mình. Tuy nhiên, cần phân tích, đA giá vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt mới đảm bảo nguyên tắc phân hóa trách nhiệm trong luật hình sự.

[7] Bị cáo L là người bảo mọi người về khách sạn của L (khách sạn Star tại số 16 Đồng Thiện, Vĩnh Niệm, L, Hải Phòng) để sử dụng ma túy sau khi T khởi xướng việc tụ tập sử dụng ma túy. L gọi người đến khách sạn để đặt mua 02g Ketamine, L cũng đồng thời là người trả tiền 05 viên thuốc lắc, L đồng ý để T gọi người đến sử dụng ma túy tại khách sạn Star (Phòng 703). L là người cất giữ 02gam ma túy khi H đã trả tiền xong. Như vậy, địa điểm sử dụng ma túy là khách sạn thuộc quyền quản lý của L, ma túy là do L gọi mạng đến, L có thanh toán 1.500.000đ tiền mua 05 viên thuốc lắc, L là người quyết định ai được sử dụng ma túy tại phòng 703 khách sạn Star vào tối ngày 12/5/2020 nên L là người có vai trò cao nhất trong vụ án này.

[8] T là người khởi xướng mọi người sử dụng ma túy, khi thấy đông người thì T có bảo : Anh em tập trung đông đủ thế này thì tổ chức chơi đi (tức là sử dụng ma túy), T chuẩn bị đèn nháy mang từ nhà đến, T kiểm tra thuốc lắc khi có người mang đến, T rủ Trang và Hà đến Phòng 703 khách sạn Star để sử dụng ma túy, đưa nước lọc cho Trang và Hà để sử dụng uống thuốc lắc, T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện sử dụng ma túy, gọi người đến sử dụng ma túy. T là người cất giữ quản lý số thuốc lắc sau khi L trả tiền xong. Mặc dù T là người khởi xướng nhưng việc quyết định có tổ chức sử dụng ma túy hay không, địa điểm sử dụng ma túy, người nào sử dụng ma túy thì do L quyết định nên vai trò của T được đA giá thấp hơn vai trò của L.

[9] Bị cáo H là người thanh toán số tiền 3.200.000 đồng mua 2g Ketamine khi L gọi mua ma túy; H là người chủ động hỏi mua 05 viên thuốc lắc, và tại phòng 703 H cùng với A chuẩn bị dụng cụ hít Ketamine, H kẻ Ketamine đưa cho L, T, A, Thương và H sử dụng. Mặc dù H có trả 3.200.000 đồng để mua 02g ketamine nhưng do L không đủ tiền nên có bảo H thanh toán số tiền này, H là người hỏi mua 05 viên thuốc lắc nhưng có được sự đồng ý của L mới được mua, H có chuẩn bị dụng cụ và có kẻ Ketamine cho mọi người sử dụng. Hành vi của H cũng thể hiện vai trò tích cực, song được thực hiện khi có sự đồng ý của L nên vai trò của H được đA giá thấp hơn L và ngang bằng với T. Vì vậy, không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo L đA giá vai trò của bị cáo L ngang bằng với T, H

[10] *Về hình phạt:* Các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cần cách ly khỏi xã hội với thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên, cũng xét thấy nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; hành vi phạm tội của các bị cáo

có mức độ, không mang tính lợi nhuận, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cũng cần xem xét áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm đối với bị cáo T, H như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp; đối với bị cáo L có vai trò cao hơn nên áp dụng hình phạt cao hơn bị cáo T, H song cũng cần cân nhắc, đảm bảo sự công bằng với các bị cáo khác trong vụ án.

Về xử lý vật chứng:

[11] Đối với 01 phong bì niêm phong số 260/2020/PC09; 01 đĩa màu trắng in hoa, 01 ống hút màu đen, 01 thẻ cứng màu đen được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông là ma túy và công cụ để các đối tượng sử dụng ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 02 chiếc điện thoại kiểu dáng Iphone thu giữ của Trịnh Trần L. Trong đó 01 chiếc bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. 01 chiếc không liên quan đến sự việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[13] Đối với 01 loa màu đen, 01 đèn cH màu vàng; 01 balo màu xanh bên trong có 01 loa, 01 đèn cH là công cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[14] Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của Vũ Như T trong đó 01 Iphone 6 Plus bị cáo sử dụng để liên lạc gọi Trần Ngọc Vân T và Nguyễn Thị H đến sử dụng ma túy nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng vàng, 01 chiếc điện thoại Viettel màu đen không liên quan đến sự việc nên trả lại cho Vũ Như T.

[15] Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Trung H trong đó 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen bị cáo sử dụng để chuyển tiền mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, 01 chiếc điện thoại Iphone không liên quan đến sự việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[16] Đối với 01 chiếc điện thoại của Nguyễn Thị Ngọc A sử dụng để kết nối với loa nghe nhạc nhằm sử dụng ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[17] Đối với 01 Ipad mini; 02 quyển sổ, 01 quyển hóa đơn, 01 đầu thu camera, 01 xe máy BKS 15B1-822.32 thu giữ của Trịnh Trần L không liên quan đến sự việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[18] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[19] Đối với Nguyễn Thị Ngọc A có hành vi cắm loa vào điện thoại để phục vụ việc nghe nhạc, chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy, đưa ma túy (thuốc lắc) cho Trần Ngọc Vân T và Nguyễn Thị H. Hành vi trên có dấu hiệu của việc giúp sức cho Trịnh Trần L, Vũ Như T, Phạm Trung H tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 23/3/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 04/2021/HSST-QĐ để điều tra bổ sung hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Ngọc A nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành

phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp tục điều tra xác minh làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Ngọc A để trả lời tội phạm và người phạm tội.

[20] Đối với Bùi Thái S, Hà Thị T, Trần Ngọc Vân T, Nguyễn Thị H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có căn cứ.

[21] Đối với đối tượng tên Cường theo lời khai của Trịnh Trần L là người giúp L mua ma túy, qua điều tra đã xác định được đối tượng có dấu hiệu liên quan là Trần Mạnh Cường, sinh năm 1982; đăng ký thường trú: số 5/97/201 Trần Nguyên Hân, phường Trần Nguyên Hân, quận L, thành phố Hải Phòng, nhưng Cường không có mặt tại địa phương, không triệu tập được để ghi lời khai; đối tượng bán ma túy hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ người nên Cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan đến hành vi của hai đối tượng này để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có cơ sở.

[22] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án:* Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trịnh Trần L** 08 (Tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 5 năm 2020.

2. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Như T** 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 5 năm 2020.

3. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Trung H** 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 5 năm 2020.

4. Kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra làm rõ hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Ngọc A để trả lời tội phạm và người phạm tội.

5. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 phong bì niêm phong số 260/2020/PC09; 01 đĩa màu trắng in hoa, 01 ống hút màu đen, 01 thẻ cứng màu đen được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng được niêm phong trong phong bì có dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và chữ ký của người liên quan, 01 chiếc điện thoại Iphone Plus màu trắng mặt sau có số FCCID: BCG-E2944A IC579C-E2944A của Vũ Như T, 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen mặt sau có số imel 359051/09/190237/9 của Phạm Trung H, 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng hồng khay sim có số 356774087923819 của Nguyễn Thị Ngọc A, 01 loa màu đen, 01 đèn cH màu vàng, 01 balo màu xanh bên trong có 01 loa, 01 đèn cH.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Trần L 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu vàng đen có dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và chữ ký của người liên quan, 01 ipad mini mặt trước màu trắng số FCCID: BCGA1600 IC579-A1600 Serial: DLXN955TB5Y2; 01 quyển sổ bìa màu xanh, 01 quyển sổ dạng vở học sinh, 01 quyển hóa đơn bìa màu xanh, 01 đầu thu camera màu đen có chữ @hua được niêm phong bằng giấy niêm phong có dấu của phòng kỹ thuật hình sự, 01 xe máy SG biển kiểm soát 15B1-822.32

Trả lại bị cáo Vũ Như T 01 điện thoại di động Viettel, 01 điện thoại di động Iphone màu trắng vàng, mặt sau có số FCCID:BCG-E3085A IC: 579C-E3085A.

Trả lại Phạm Trung H 01 điện thoại di động Iphone mặt trước màu đen, khay sim có số 357299094617815.

(Đặc điểm chi tiết được thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

6. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các Trịnh Trần L, Vũ Như T, Phạm Trung H mỗi người phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 61; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình

- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.